



• • •
• • •
• • •
• • •

NUÔI ĐỘNG VẬT HOANG DÃ VÌ MỤC ĐÍCH THƯƠNG MẠI

Khảo sát điểm tại Bắc Giang và Vĩnh Phúc

—

• • •
• • •
• • •
• • •

Nhóm nghiên cứu: Nguyễn Chí Thành*, Phan Bích Hương, Nguyễn Thùy Dung****

*** Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang**

**** Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature)**

Ấn phẩm này được thực hiện với sự tài trợ của WWF-Việt Nam thông qua Dự án “*Cùng lên tiếng bảo vệ các Hệ sinh thái vì Thiên nhiên và Con người (Voices for Diversity: safeguarding Ecosystems for Nation and People - VfD)*”. Nội dung ấn phẩm do Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature) chịu trách nhiệm. Báo cáo thể hiện kết quả khảo sát và quan điểm của các tác giả, không nhất thiết đại diện quan điểm của nhà tài trợ.

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU	3
Phạm vi khảo sát	4
Phương pháp khảo sát.....	4
KẾT QUẢ KHẢO SÁT.....	5
Sơ lược về khung pháp lý gây nuôi ĐVHD.....	5
Thông tin cơ bản về thực trạng nuôi ĐVHD tại Bắc Giang, Vĩnh Phúc.....	10
Thực trạng quản lý hoạt động nuôi ĐVHD tại Bắc Giang, Vĩnh Phúc	20
<i>Điều kiện nuôi và cấp mã số trang trại gây nuôi.....</i>	<i>15</i>
<i>Kiểm tra, giám sát và theo dõi biến động của cơ sở gây nuôi ĐVHD.....</i>	<i>20</i>
<i>Xác minh nguồn gốc và quản lý hồ sơ vận chuyển ĐVHD</i>	<i>22</i>
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....	24
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	32
PHỤ LỤC.....	33
1. Danh sách cơ sở nuôi thương mại ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm được phóng vấn tại Bắc Giang	33
2. Danh sách cơ sở nuôi thương mại ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm được phóng vấn tại Vĩnh Phúc.....	33
3. Mẫu phiếu phỏng vấn.....	34

GIỚI THIỆU

Nhân giống động vật hoang dã (ĐVHD) trong điều kiện nuôi nhốt đã có lịch sử từ hàng ngàn năm trước (Thomson, 2008). Tuy nhiên, phải từ sau những năm 1980, nuôi ĐVHD vì mục đích thương mại mới thực sự phát triển rầm rộ (WCS, 2008) nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng đối với các sản phẩm từ ĐVHD. Tại Đông Nam Á, các trang trại gây nuôi ĐVHD được hình thành từ rất sớm, chẳng hạn hoạt động nuôi cá sấu tại Campuchia có từ thời kỳ Angkor thế kỷ 10 hay Trung Quốc bắt đầu nuôi hươu từ thế kỷ 17. Riêng tại Việt Nam, mặc dù các trang trại ĐVHD thương mại bắt đầu xuất hiện từ cuối những năm 1980 nhưng gần 20 năm sau mới phát triển nhanh cả về số lượng, quy mô và số loài. Các loài được gây nuôi chủ yếu tại thời điểm đầu những năm 2000 là cá sấu, trăn, ba ba, gấu, khỉ, nhím, hươu, rắn hổ mang nhằm phục vụ cho cả thị trường trong nước và quốc tế (WCS, 2008), trong đó, thị trường xuất khẩu giai đoạn 1995 – 2005 là các nước châu Âu (Anh, Thụy Sĩ, Thụy Điển, Tây Ban Nha, Ý, Đức, Bỉ, Hà Lan, Hungary, Pháp, Cộng hòa Séc), khu vực châu Á (Trung Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Nhật bản, Hàn Quốc, Singapore...) và một số quốc gia như Mỹ, Canada, Úc (WCS, 2008).

Theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, hoạt động gây nuôi ĐVHD có thể được thực hiện theo 3 hình thức: nuôi vì mục đích thương mại, nuôi không vì mục đích thương mại, và nuôi vì mục đích bảo tồn đa dạng sinh học. Đáng chú ý là tất cả các loài động vật, từ động vật rừng thông thường cho tới các loài thuộc Phụ lục I, II và III CITES; các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP; danh mục loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm theo Nghị định 26/2019/NĐ-CP; và danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo Nghị định 64/2019/NĐ-CP (trừ loài chồn bay) đều có thể được nuôi ở cả ba loại hình trong trường hợp đáp ứng các điều kiện liên quan (Bùi Hà, 2022).

Thống kê của Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên (ENV) cho thấy hiện có khoảng 9.000 cơ sở gây nuôi thương mại ĐVHD được cấp phép tại Việt Nam, chưa kể các cơ sở không được cấp phép hoặc đang trong quá trình xin cấp phép (ENV, 2022). Năm 2017, CITES khảo sát tại 23 tỉnh, thành và thu được dữ liệu từ 9.280 cơ sở gây nuôi ĐVHD với tổng số 2.189.429 cá thể ĐVHD thuộc 263 loài của 6 lớp (chim, động vật có vú, bò sát, lưỡng cư, hình nhện và cuốn chiếu). Trong số này, có tới 2.849 cơ sở gây nuôi 971.412 cá thể thuộc 82 loài động vật nguy cấp, quý, hiếm và được ưu tiên bảo vệ (thuộc phụ lục IB, CITES I và Nghị định 160/2013/NĐ-CP) cùng 3.172 cơ sở có gây nuôi 99 loài ĐVHD quý, hiếm với 448.314 cá thể (phụ lục IIB, CITES II, III) (FAO, 2017).

Một số ý kiến ủng hộ gây nuôi ĐVHD vì cho rằng hoạt động này góp phần đáp ứng nhu cầu các sản phẩm từ ĐVHD và giảm thiểu nạn săn trộm (Jessica Bell Rizzolo, 2021). Tuy nhiên, hầu hết các quan điểm bảo tồn đều bày tỏ lo ngại với quy định cho phép nuôi các loài ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm vì mục đích thương mại. Theo quan điểm này, không phải mọi loài ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm đều có khả năng (i) sinh sản và phát triển tốt trong môi trường có kiểm soát và (ii) đem lại lợi ích kinh tế khi nuôi thương mại. Trên thực tế, rất ít loài có thể đảm bảo được một trong hai mục tiêu này, chưa kể điều kiện, yêu cầu liên quan đến việc cho phép nuôi thương mại, không vì mục đích thương mại hay nuôi bảo tồn ĐVHD chưa đảm bảo cơ chế giám sát chặt chẽ của các cơ quan quản lý, từ khâu đưa động vật về nuôi, đảm bảo nguồn giống hợp pháp, giám sát quá trình sinh sản, xuất bán, trao đổi... Khoảng trống này được cho là nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng không ít cơ sở gây nuôi trở thành vỏ bọc để hợp pháp hóa ĐVHD có nguồn gốc bất hợp pháp (Bùi Hà, 2022).

Mặc dù Việt Nam đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến gây nuôi ĐVHD và phòng, chống buôn bán ĐVHD bất hợp pháp, tuy nhiên, việc thực thi các chính sách này trong thực tế còn nhiều hạn chế, công tác quản lý và giám sát hoạt động gây nuôi ĐVHD còn nhiều bất cập, cơ chế giám sát khá lỏng lẻo, dễ tạo kẽ hở cho việc trà trộn các ĐVHD có nguồn gốc bất hợp pháp tại các cơ sở gây nuôi, đặc biệt với các cơ sở nuôi vì mục đích thương mại. Bên cạnh các loài động vật thông thường, các cơ sở này còn đăng ký nuôi các loài ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm, chủ yếu là Nhóm IIB Phụ lục CITES do có giá trị kinh tế cao và thủ tục nuôi đơn giản. Do vậy, nếu không được kiểm soát chặt, rất có thể xảy ra tình trạng nhập ĐVHD bất hợp pháp có nguồn gốc từ tự nhiên để đưa vào các cơ sở gây nuôi, tiềm ẩn nguy cơ đối với đa dạng sinh học Việt Nam và có thể làm suy yếu nỗ lực bảo tồn các loài nguy cấp, quý, hiếm.

Nhằm tìm hiểu sâu hơn về thực trạng này, PanNature tiến hành nghiên cứu hoạt động gây nuôi thương mại ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm (chủ yếu là loài IIB thuộc Nghị định 84/2021/NĐ-CP) tại địa phương, trong đó lựa chọn tỉnh Bắc Giang và Vĩnh Phúc để khảo sát điểm thông qua phỏng vấn nhanh 33 cơ sở gây nuôi và 06 cán bộ kiểm lâm. Kết quả ban đầu ghi nhận hoạt động quản lý, giám sát, báo cáo tình trạng gây nuôi ĐVHD tại hai địa phương còn một số hạn chế nhất định, dễ tạo điều kiện cho hoạt động xuất, nhập ĐVHD có nguồn gốc không rõ ràng thông qua các cơ sở gây nuôi.

Phạm vi khảo sát

- Đối tượng: Cơ sở nuôi thương mại ĐVHD trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (17 cơ sở) và Vĩnh Phúc (16 cơ sở), trong đó các cơ sở chủ yếu nuôi thương mại các loài ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm thuộc nhóm IIB thuộc Nghị định 84/2021/NĐ-CP, chủ yếu là rắn hổ mang thường, rắn ráo trâu, cầy vòi mốc, cầy vòi hương. Đây là các loài ĐVHD có giá trị kinh tế cao, thường có nguy cơ nhập từ nguồn ĐVHD bất hợp pháp vào các cơ sở gây nuôi cao hơn so với các nhóm ĐVHD khác. Nhóm khảo sát ưu tiên lựa chọn các cơ sở nuôi ĐVHD với số lượng lớn, tại nhiều xã, huyện khác nhau để kết quả khảo sát phản ánh bức tranh tương đối đầy đủ về hoạt động gây nuôi ĐVHD cũng như tình hình kiểm soát dịch bệnh tại mỗi địa phương.
- Thời gian: Hoạt động khảo sát được thực hiện từ ngày 6 - 11/3/2023 tại Bắc Giang và từ ngày 16 - 22/3/2023 tại Vĩnh Phúc.

Phương pháp khảo sát

- Thu thập thông tin: Để chuẩn bị cho hoạt động khảo sát trực tiếp tại các cơ sở trên địa bàn hai tỉnh, các thông tin cơ bản sẽ được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau, ưu tiên cho các nguồn đáng tin cậy tại địa phương, ví dụ danh sách cơ sở và loài nhân nuôi được thu thập từ Chi cục kiểm lâm tỉnh Bắc Giang và Vĩnh Phúc.
- Phỏng vấn: Nhóm khảo sát phỏng vấn trực tiếp các chủ cơ sở và cán bộ kiểm lâm địa bàn phụ trách hoạt động quản lý gây nuôi ĐVHD (trực thuộc Hạt Kiểm lâm). Với mỗi nhóm đối tượng, nội dung phỏng vấn được thiết kế riêng, trong đó với chủ cơ sở nuôi, các thông tin chính cần thu thập như: thông tin chung về cơ sở (số lượng loài, cá thể nuôi, cá thể thuộc nhóm nguy cấp, quý, hiếm...), nguồn gốc động vật, nguồn giống, khả năng tiếp nhận các loài có nguồn gốc tự nhiên, thủ tục đăng ký nuôi ĐVHD. Với nhóm cán bộ kiểm lâm, thông tin chính cần thu thập như: thông tin chung về cơ sở gây nuôi (số lượng, số cơ sở có giấy phép và hồ sơ, tổng số loài, cá thể động vật...); công tác quản lý, kiểm tra, giám sát các cơ sở nuôi ĐVHD; quy trình cấp phép vận chuyển ĐVHD; tình hình chấp hành quy định của các cơ sở...

- Quan sát trực tiếp: Song song với hoạt động phỏng vấn, Nhóm khảo sát quan sát và ghi nhận cảm quan về hệ thống chuồng trại cũng như tình trạng ĐVHD... nhằm bổ sung đánh giá về khả năng đáp ứng của các cơ sở gây nuôi cùng thực trạng gây nuôi thương mại ĐVHD.

KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Sơ lược về khung pháp lý gây nuôi ĐVHD

Một trong những cột mốc quan trọng về bảo vệ ĐVHD tại Việt Nam là sự tham gia Công ước quốc tế về buôn bán các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) vào năm 1994. Từ hiệp ước đa phương này, Việt Nam dần xây dựng, sửa đổi, bổ sung khung pháp lý về quản lý ĐVHD, trong đó có hoạt động gây nuôi ĐVHD theo hướng ngày càng hoàn thiện hơn. Gần 3 thập kỷ trở lại đây, Việt Nam ban hành hàng loạt các văn bản quy phạm pháp luật như Luật Đa dạng sinh học, Luật Lâm nghiệp, Luật Thủy sản... cùng các nghị định hướng dẫn thi hành như Nghị định 160/2013/NĐ-CP về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 64/2019/NĐ-CP); Nghị định 06/2019/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 84/2021/NĐ-CP); Nghị định 26/2019/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản... Bên cạnh đó, các chế tài xử lý vi phạm đối với hoạt động săn, bắt, tàng trữ, vận chuyển, nuôi, nhốt ĐVHD bất hợp pháp cũng lần lượt được ban hành, sửa đổi, trong đó điển hình là Nghị định 35/2019/NĐ-CP về quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp; Nghị định 42/2019/NĐ-CP về quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực thủy sản; Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) gồm Điều 234 “Tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD” và Điều 244 “Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm”...

Riêng về hoạt động gây nuôi ĐVHD, đặc biệt là gây nuôi thương mại các loài ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm, bắt đầu từ Nghị định 11/2002/NĐ-CP về việc quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu và quá cảnh các loài động vật, thực vật hoang dã, Việt Nam cho phép xuất, nhập khẩu mẫu vật các loài ĐVHD thuộc Phụ lục CITES có nguồn gốc từ nuôi sinh sản hoặc trồng cấy nhân tạo với một số điều kiện nhất định. Tuy nhiên, phải tới Nghị định 32/2006/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, đặc biệt là Nghị định 82/2006/NĐ-CP về quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển, quá cảnh, nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng cấy nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm (thay thế Nghị định 11/2002/NĐ-CP), hoạt động gây nuôi mới được quy định rõ ràng hơn. Nghị định 82/2006/NĐ-CP dành trọn 4 điều Chương 3 để quy định về (i) *trách nhiệm quản lý hoạt động nuôi sinh sản, sinh trưởng các loài ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm*; (ii) *điều kiện trại nuôi*; (iii) *quy trình đăng ký trại nuôi đối với các loài thuộc Phụ lục CITES*; (iv) *quy trình đăng ký trại nuôi với các loài không được quy định tại Phụ lục CITES*. Trong đó, khoản b, c Điều 10 nhấn mạnh các cơ quan có thẩm quyền chỉ tiến hành “*đăng ký trại nuôi sinh sản những loài động vật đã được Cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận bằng văn bản là có khả năng sinh sản liên tiếp qua nhiều thế hệ trong môi trường có kiểm soát*” và chỉ “*đăng ký trại nuôi sinh trưởng những loài động vật được Cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận bằng văn bản là việc nuôi sinh trưởng không ảnh hưởng tới việc bảo tồn loài đó trong tự nhiên*”. Cơ quan khoa học CITES được giao trách nhiệm thẩm định các dự án nuôi ĐVHD hoặc được ủy quyền kiểm tra các cơ sở gây nuôi sinh sản, sinh trưởng các loài ĐVHD.

Sau khi Nghị định 82/2006/NĐ-CP được ban hành, Chính phủ và Bộ NN&PTNT tiếp tục phê duyệt các văn bản quy phạm pháp luật khác nhằm tăng cường công tác quản lý các cơ sở gây nuôi ĐVHD, đơn cử như: Quyết định số 54/2006/QĐ-BNN ngày 05/7/2006 của Bộ NN&PTNT về việc công bố danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các Phụ lục của Công ước CITES (sau này được thay thế lần lượt bởi Quyết định 74/2008/QĐ-BNN; Thông tư số 40/2013/TT-BNNPTNT ngày 5/9/2013; Thông báo số 296/TB-CTVN- HTQT ngày 27/11/2019 của Cơ quan quản lý CITES Việt Nam; Thông báo số 25/TB-CTVN ngày 17/2/2023 của Cơ quan quản lý CITES Việt Nam); Chỉ thị số 1284/CT-BNN-KL ngày 11/5/2007 của Bộ NN&PTNT về việc tăng cường công tác quản lý các trại nuôi sinh sản, sinh trưởng và cơ sở trồng cấy nhân tạo động vật, thực vật hoang dã; Chỉ thị số 478/TTg-NN ngày 31/03/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc xử lý nuôi nhốt trái phép đối với ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm... Từ các chỉ thị, hướng dẫn này, một số địa phương ban hành riêng quy chế quản lý ĐVHD gây nuôi trên địa bàn, đơn cử như tỉnh Đắk Nông ban hành Quyết định số 471/QĐ-UBND ngày 7/4/2009 về quy chế quản lý ĐVHD gây nuôi trên địa bàn hay Quyết định số 83/2007/QĐ-UBND của TPHCM quy định về quản lý, điều kiện an toàn trong hoạt động nuôi, vận chuyển cá sấu sống và các loài ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm...

Năm 2014, Thủ tướng Chính phủ ban hành tiếp Chỉ thị số 03/CT-TTg về việc tăng cường chỉ đạo và thực hiện các biện pháp kiểm soát, bảo tồn các loài ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm và năm 2016 ban hành Chỉ thị số 28/CT-TTg về một số giải pháp cấp bách phòng ngừa, đấu tranh với hành vi xâm hại các loài ĐVHD trái phép. Đặc biệt, trước bối cảnh đại dịch Covid-19 lan rộng tại nhiều quốc gia trong năm 2020, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 23/7/2020 về một số giải pháp cấp bách quản lý ĐVHD với nhiều nội dung quan trọng, trong đó chỉ đạo dừng nhập khẩu ĐVHD đến khi có chỉ đạo mới; kiên quyết loại bỏ các khu vực chợ, tụ điểm mua bán ĐVHD trái phép; giao Bộ NN&PTNT tổ chức thanh, kiểm tra trên diện rộng các cơ sở nuôi ĐVHD; lập cơ sở dữ liệu về các cơ sở nuôi sinh sản, sinh trưởng vì mục đích thương mại các loài ĐVHD thuộc danh mục loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP công khai trên cổng thông tin điện tử của Bộ để toàn xã hội theo dõi, giám sát...

Thực hiện theo Chỉ thị số 29/CT-TTg, một loạt văn bản quy phạm pháp luật về quản lý ĐVHD lần lượt được sửa đổi, bổ sung, bao gồm các quy định liên quan đến gây nuôi thương mại ĐVHD như: Nghị định số 84/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 06/2019/NĐ-CP; Nghị định số 07/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp, bảo vệ và kiểm dịch thực vật, thú y, chăn nuôi; Thông tư số 26/2022 về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản thay thế Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT; Quyết định số 149/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 17/5/2022 về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để bảo tồn các loài chim hoang dã, di cư tại Việt Nam; Quyết định số 1623/QĐ-TTg phê duyệt Đề án tăng cường năng lực phòng, chống tội phạm đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Hiện nay, các hoạt động liên quan đến gây nuôi ĐVHD bao gồm gây nuôi thương mại ĐVHD đều được thực hiện theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 84/2021/NĐ-CP). Trong đó, các hoạt động gây nuôi thương mại ĐVHD nguy cấp thuộc Phụ lục CITES được quy định cụ thể về (i) điều kiện nuôi ĐVHD nguy cấp thuộc Phụ lục CITES vì mục đích thương mại và

không vì mục đích thương mại; (ii) đăng ký mã số cơ sở nuôi ĐVHD nguy cấp thuộc Phụ lục CITES; (iii) trình tự, thủ tục cấp chứng chỉ CITES xuất khẩu mẫu vật lưu niệm từ cơ sở nuôi ĐVHD; (iv) trình tự, thủ tục cấp giấy phép CITES nhập khẩu mẫu vật ĐVHD nguy cấp thuộc Phụ lục CITES; (v) trình tự, thủ tục cấp phép CITES nhập nội từ biển mẫu vật ĐVHD nguy cấp thuộc Phụ lục I, II CITES; (vi) vận chuyển, cất giữ mẫu vật ĐVHD thuộc Phụ lục CITES; (vii) trách nhiệm quản lý cơ sở nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và ĐVHD nguy cấp thuộc Phụ lục CITES. Trong số các quy định này, quy định (i), (ii), (vi) được áp dụng trực tiếp và thường xuyên nhất tại các cơ sở gây nuôi thương mại ĐVHD.

Thứ nhất, về điều kiện nuôi thương mại các loài ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm thuộc Phụ lục CITES, Điều 15 Nghị định 06/2019/NĐ-CP đòi hỏi các cơ sở đảm bảo 4 điều kiện: (i) *Đảm bảo nguồn giống hợp pháp: khai thác hợp pháp; mẫu vật sau xử lý tịch thu theo quy định của pháp luật; nhập khẩu hợp pháp hoặc mẫu vật từ cơ sở nuôi hợp pháp khác;* (ii) *Chuồng, trại được xây dựng phù hợp với đặc tính của loài nuôi; bảo đảm các điều kiện an toàn cho người và vật nuôi, vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh;* (iii) *Loài nuôi được Cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận bằng văn bản việc nuôi sinh sản, sinh trưởng không làm ảnh hưởng đến sự tồn tại của loài nuôi và các loài có liên quan trong tự nhiên;* (iv) *Có phương án nuôi theo biểu mẫu cụ thể của Nghị định.*

Thứ hai, về quy định đăng ký mã số cơ sở, các cơ sở nuôi thương mại ĐVHD cần hoàn thiện hồ sơ đề nghị đăng ký mã số cơ sở và gửi kèm phương án nuôi ĐVHD về Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam (đối với loài thuộc Phụ lục I CITES) và Cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh hoặc Cơ quan quản lý Nhà nước về thủy sản cấp tỉnh (đối với loài thuộc Phụ lục II, III CITES).

Thứ ba, về quy định vận chuyển ĐVHD thuộc Phụ lục CITES, các cơ sở gây nuôi ĐVHD cần chuẩn bị hồ sơ hợp pháp theo quy định về quản lý lâm sản và thủy sản, có giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật khi vận chuyển ra địa bàn ngoài tỉnh. Trước đây, theo quy định cũ tại Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15/12/2010, khi vận chuyển động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm ra ngoài tỉnh sẽ cần xin thêm thủ tục cấp giấy phép vận chuyển đặc biệt. Tuy nhiên, từ Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT quy định về hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản (được thay thế bằng Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản), tất cả động vật rừng gây nuôi trong nước và bộ phận, dẫn xuất của chúng khi xuất ra hoặc vận chuyển giữa các địa điểm không cùng một tỉnh thì đều áp dụng thủ tục xác nhận lâm sản. Và theo quy định cập nhật nhất tại Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT thì thủ tục này được thay thế bằng thủ tục xác nhận hồ sơ lâm sản tại cơ sở nuôi, trồng. Trong đó, khoản 7 Điều 5 Thông tư 26/2022/TT-BNNPTNT nêu rõ: *hồ sơ lâm sản bao gồm đơn đề nghị xác nhận bảng kê lâm sản; bảng kê lâm sản; sổ theo dõi xuất, nhập ĐVHD.*

Điều kiện nuôi ĐVHD nguy cấp thuộc Phụ lục CITES không vì mục đích thương mại (quy định tại Điều 14 Nghị định 06/2019/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 84/2019/NĐ-CP)

1. Có dự án, đề tài nghiên cứu khoa học được phê duyệt và có phương án nuôi theo biểu mẫu tại Phụ lục Nghị định 06/2019/NĐ-CP.
2. Cơ sở nuôi, trồng phù hợp với đặc tính sinh trưởng của loài được nuôi; đảm bảo an toàn cho người và vật nuôi, vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh.

3. Đảm bảo nguồn giống hợp pháp: khai thác hợp pháp; mẫu vật sau xử lý tịch thu theo quy định của pháp luật; nhập khẩu hợp pháp hoặc mẫu vật từ cơ sở nuôi hợp pháp khác.
4. Trong quá trình nuôi phải lập sổ theo dõi nuôi theo biểu mẫu tại Phụ lục Nghị định 06/2019/NĐ-CP; định kỳ báo cáo và chịu sự kiểm tra, giám sát của Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản, về lâm nghiệp, về môi trường cấp tỉnh.

Điều kiện nuôi ĐVHD nguy cấp thuộc Phụ lục CITES vì mục đích thương mại (theo Điều 15 Nghị định 06/2019/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 84/2019/NĐ-CP)

1. Đảm bảo nguồn giống hợp pháp: khai thác hợp pháp; mẫu vật sau xử lý tịch thu theo quy định của pháp luật; nhập khẩu hợp pháp hoặc mẫu vật từ cơ sở nuôi hợp pháp khác;
2. Chuồng, trại được xây dựng phù hợp với đặc tính của loài nuôi; bảo đảm các điều kiện an toàn cho người và vật nuôi, vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh.
3. Các loài ĐVHD thuộc Phụ lục CITES thuộc các lớp thú, chim, bò sát lần đầu tiên đăng ký nuôi tại cơ sở phải được Cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận bằng văn bản về việc nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng không làm ảnh hưởng đến sự tồn tại của loài nuôi và các loài khác có liên quan trong tự nhiên theo trình tự như sau: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký mã số cơ sở, Cơ quan cấp mã số có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị xác nhận đến Cơ quan khoa học CITES Việt Nam. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, Cơ quan khoa học CITES Việt Nam có trách nhiệm trả lời bằng văn bản đối với nội dung xác nhận ảnh hưởng hoặc không ảnh hưởng của việc nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng đến sự tồn tại của loài nuôi và các loài khác có liên quan trong tự nhiên.
4. Có phương án nuôi theo biểu mẫu tại Phụ lục Nghị định 06/2019/NĐ-CP.
5. Trong quá trình nuôi, phải lập sổ theo dõi theo biểu mẫu, định kỳ báo cáo và chịu sự kiểm tra, giám sát của Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản, về lâm nghiệp, về môi trường cấp tỉnh."

Điều kiện gây nuôi động vật rừng thông thường (quy định tại Điều 11 Nghị định 06/2019/NĐ-CP)

1. Đảm bảo nguồn gốc hợp pháp: khai thác từ tự nhiên trong nước; nhập khẩu; mua bán, cho tặng, chuyển nhượng từ tổ chức, cá nhân khác; mẫu vật sau xử lý tịch thu theo quy định của pháp luật.
2. Đảm bảo an toàn cho con người; thực hiện các quy định của pháp luật về môi trường, thú y;
3. Thực hiện việc ghi chép sổ theo dõi vật nuôi theo biểu mẫu tại Phụ lục Nghị định 16/2019/NĐ-CP; trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc, kể từ ngày đưa động vật rừng thông thường về cơ sở nuôi, tổ chức, cá nhân phải gửi thông báo cho cơ quan Kiểm lâm sở tại để theo dõi, quản lý theo quy định.

Trình tự, thủ tục gây nuôi ĐVHD

1. Chủ cơ sở gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký qua bưu điện hoặc cổng thông tin điện tử một cửa quốc gia tới cơ quan cấp mã số.

2. Hồ sơ đăng ký cần chuẩn bị gồm:

- Đề nghị cấp mã số cơ sở nuôi theo biểu mẫu tại Nghị định 06/2019/NĐ-CP.
- Bản chính phương án nuôi theo Phụ lục Nghị định 84/2021/NĐ-CP.
- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan chức năng có trách nhiệm cấp mã số cơ sở cho trại nuôi. Trường hợp cần kiểm tra thực tế các điều kiện gây nuôi, cơ quan cấp mã số chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện nhưng thời hạn cấp không quá 30 ngày. Với các loài ĐVHD thuộc Phụ lục I CITES, Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam có trách nhiệm cấp mã số cơ sở. Với các loài thuộc Phụ lục II, III CITES, Cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh có trách nhiệm cấp mã số cơ sở trại nuôi.

Riêng về vấn đề xử lý vi phạm trong hoạt động gây nuôi ĐVHD, hiện các cơ quan chức năng áp dụng đồng thời theo Nghị định số 35/2019/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp (thay thế Nghị định số 157/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý, phát triển, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản) và Nghị định 07/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp, bảo vệ và kiểm dịch thực vật, thú y, chăn nuôi.

Vi phạm về trình tự, thủ tục có thể xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến động vật rừng bao gồm:

1. Vận chuyển, mua bán, cất giữ, chế biến ĐVHD có nguồn gốc hợp pháp nhưng không chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về hồ sơ lâm sản hợp pháp;
2. Không xuất trình được hồ sơ lâm sản tại thời điểm kiểm tra cho người có thẩm quyền khi kiểm tra phương tiện vận chuyển ĐVHD hoặc hồ sơ lâm sản không đúng với quy định pháp luật (áp dụng với người điều khiển phương tiện, chủ ĐVHD);
3. Chế biến, mua bán ĐVHD, nuôi động vật không ghi chép vào sổ nhập, xuất lâm sản (áp dụng đối với chủ cơ sở nuôi ĐVHD);
4. Không đăng ký mã số cơ sở nuôi theo quy định của pháp luật (áp dụng với chủ cơ sở nuôi ĐVHD);
5. Không lập sổ theo dõi hoặc lập sổ theo dõi không đúng mẫu theo quy định; không thực hiện ghi chép hoặc ghi chép không đầy đủ, không đúng thực tế vào sổ theo dõi nuôi; không thông báo đúng thời hạn theo quy định của pháp luật khi đưa động vật rừng thông thường hoặc ĐVHD trên cạn khác về cơ sở nuôi (áp dụng với chủ cơ sở nuôi ĐVHD);

Vi phạm về trình tự, thủ tục có thể xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến động vật thủy sản bao gồm:

1. Nuôi sinh trưởng, sinh sản, trồng cấy nhân tạo loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc hợp pháp nhưng không đăng ký mã số cơ sở nuôi trồng;
2. Không ghi chép vào sổ theo dõi nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng cấy nhân tạo các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật.

Nguồn: ENV, 2022.